

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu:

Thi công xây dựng

Hạng mục:

**Thi công tháo dỡ, di dời 100m ray A100 hiện hữu của
cầu hàng rời để lắp đặt nối với hệ thống ray của cầu
STS tại phân đoạn 6, cầu tàu số 02 tại Công ty Cổ phần
Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước**

Phát hành ngày:

10 tháng 10 năm 2025

**Ban hành kèm theo Quyết
định:**

249/QĐ-SPH ngày 09 tháng 10 năm 2025

Tổ chuyên gia

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG SÀI GÒN – HIỆP PHƯỚC**

- Nguyễn Văn Thanh**
- Nguyễn Thị Kim Thanh**
- Nguyễn Văn Hòa**
- Bùi Duy Lộc**
- Nguyễn Thành Luân**

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Chủ đầu tư là **Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước** mời các nhà thầu tiếp nhận HSYC và tham gia nộp HSĐX cho **Gói thầu: Thi công xây dựng** thuộc Hạng mục: Thi công tháo dỡ, di dời 100m ray A100 hiện hữu của cầu hàng rời để lắp đặt nối với hệ thống ray của cầu STS tại phân đoạn 6, cầu tàu số 02 tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: **35 ngày**, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi được quy định tại Luật Đấu thầu hiện hành.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định liên quan.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu tối thiểu **03 ngày làm việc** trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trường hợp Chủ đầu tư sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là **03 ngày làm việc** trước ngày có thời điểm đóng thầu.

3. Nhà thầu được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSĐX. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cũng như rủi ro có thể xảy ra trong quá trình khảo sát hiện trường. Nhà thầu cần liên hệ trước với Bên mời thầu để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi tham dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01 Chương III;

2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;

3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu;

4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 8 Chương này;

5. Đề xuất về giá theo các bảng giá dự thầu quy định tại Mẫu số 4 Chương III;

6. Bảo lãnh dự thầu của một ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam với giá trị bảo lãnh là

61.000.000 đ (Bằng chữ: Sáu mươi mốt triệu đồng), hiệu lực 60 ngày kể từ ngày phát hành.

7. Các nội dung khác: không.

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá đúng, đủ theo yêu cầu tại biểu mẫu: Mẫu số 4 Chương III.

3. Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại Chương III.

Mục 8. Thành phần đề xuất kỹ thuật

Nhà thầu phải nộp đề xuất kỹ thuật, trong đó mô tả cụ thể phương pháp thực hiện công việc, thiết bị, nhân sự, lịch biểu thực hiện và các thông tin cần thiết khác theo quy định tại Chương IV để chứng minh tính phù hợp của đề xuất đối với các yêu cầu công việc và thời hạn cần hoàn thành công việc.

Mục 9. Hiệu lực của HSĐX

1. Thời gian có hiệu lực của HSĐX phải bảo đảm theo yêu cầu là **30 ngày** kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách của HSĐX và chữ ký trong HSĐX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị **01 (một) bản gốc** và **01 (một) bản chụp** HSĐX, ghi rõ "bản gốc" và "bản chụp" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSĐX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần của HSĐX nêu tại Mục 6 Chương I phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSĐX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thỏa thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSĐX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của Chủ đầu tư (Phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước. Địa chỉ: D10C đường D3, Xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh) nhưng phải bảo đảm Chủ đầu tư nhận được trước thời điểm đóng thầu: **14 giờ 00, ngày 16 tháng 10 năm 2025**.

2. Mở thầu:

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSĐX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu,

không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSĐX như sau:

- a) Kiểm tra niêm phong;
- b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:
 - Tham dự độc lập hay liên danh;
 - Số lượng bản gốc, bản chụp;
 - Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
 - Giá trị giảm giá (nếu có);
 - Thời gian có hiệu lực của HSĐX;
 - Thời gian thực hiện gói thầu;
 - Bảo lãnh dự thầu, giá trị bảo lãnh dự thầu;
 - Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lẽ mở thầu (nếu có). Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSĐX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSĐX.

Mục 12. Nhà thầu phụ

Không áp dụng

Mục 13. Đánh giá HSĐX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

- 1. Việc đánh giá HSĐX được thực hiện theo quy định tại Chương II.
- 2. Bên mời thầu mời nhà thầu xếp thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- 1. Có HSĐX hợp lệ;
- 2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
- 3. Có giá trị phần sai lệch thiểu không quá 10% giá dự thầu;
- 4. Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
- 5. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)) không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:

- a) Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;

- Dự toán gói thầu được duyệt;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
- Loại hợp đồng.

b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

- Tên nhà thầu;
- Mã số thuế (nếu có);
- Giá dự thầu;
- Giá dự thầu sau khi hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có);
- Giá trúng thầu;
- Thời gian thực hiện hợp đồng.

c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

d) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSĐX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSYC thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu và hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Chủ đầu tư sẽ tiến hành mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu được phê duyệt trúng thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu thư bảo lãnh trong HSYC này hoặc Mẫu thư bảo lãnh khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là **5%** giá trị hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước (Địa chỉ: D10C đường D3, Xã Hiệp Phước, Tp. Hồ Chí Minh)

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

* **Ghi chú:** HSĐX không gửi kèm Bảo lãnh dự thầu sẽ bị coi là không hợp lệ và bị loại, không tiếp tục đánh giá.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu tại Mẫu số 4.1 Chương III, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;
- d) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo **Bảng số 01** (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu). Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSĐX của nhà thầu. Bản

thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSĐX, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSĐX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của **Ngân hàng Vietcombank** tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu và cung cấp tài liệu chứng minh
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính⁽⁴⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 3.700.000.000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 09
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn tối thiểu 01 công trình tương tự (<i>là Các công trình tháo dỡ, di dời và lắp đặt ray cầu bờ (STS, QC) hoặc cầu hàng rời, cầu tổng hợp tại cảng biển; Các công trình xây dựng, cải tạo, lắp đặt hệ thống ray – kết cầu cầu bến để phục vụ khai thác cầu bờ, cầu dàn hoặc thiết bị chuyên dụng tại cảng; Các công trình lắp đặt, cải tạo ray đường sắt công nghiệp nặng (A100 trở lên) có quy mô từ 100m trở lên; các hạng mục công trình cung cấp, lắp đặt thiết bị, hoặc hệ thống cơ điện...liên quan đến cơ sở, hạ tầng cảng có giá trị là 2.052.000.000 đồng với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh).</i>)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 06

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu.

a) Nhân sự chủ chốt

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các **Mẫu số 07A, 07B và 07C Chương III** để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự ⁽¹⁾	Chứng chỉ, trình độ chuyên môn
1	Chỉ huy trưởng	01	Kinh nghiệm ≥5 năm trong thi công hạ tầng cảng.	- Kinh nghiệm ≥5 năm trong thi công hạ tầng cảng. - Chứng chỉ hành nghề xây dựng hạng I. - Chứng chỉ ATLĐ
2	Kỹ sư giám sát	02	Kinh nghiệm ≥3 năm.	- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng, hoặc cơ khí. - Kinh nghiệm ≥3 năm. - Chứng chỉ kiểm định kỹ thuật.
3	Kỹ sư an toàn	01	Kinh nghiệm ≥ 2 năm trong xây dựng cảng.	- Chứng chỉ an toàn lao động cấp I. - Kinh nghiệm ≥2 năm trong xây dựng cảng. - Đào tạo xử lý sự cố.
4	Công nhân kỹ thuật	15	Kinh nghiệm ≥1 năm.	Chứng chỉ ATLĐ cơ bản.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các Thiết bị thi công chủ yếu được đề xuất theo **Mẫu số 07D Chương III** để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy cắt ray	2	Công suất $\geq 5\text{kW}$, lưỡi cắt $\geq 350\text{mm}$, phù hợp cắt ray A100	<input type="checkbox"/> Nguồn thiết bị: Nhà thầu phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động thiết bị (sở hữu, thuê, hoặc chế tạo đặc biệt) theo Mẫu số 07D. Nếu thiết bị không thuộc sở hữu, cần cung cấp thỏa thuận thuê/cho thuê hợp lệ hoặc Bản cam kết cung cấp thiết bị đảm bảo thi công theo yêu cầu trong trường hợp là nhà thầu được lựa chọn.
2	Máy hàn điện	2	Dòng hàn $\geq 300\text{A}$, phù hợp hàn cóc ray theo DIN 1913	<input type="checkbox"/> Tình trạng thiết bị: Cam kết tất cả thiết bị phải ở trạng thái hoạt động tốt, được kiểm định theo quy định, và phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của gói thầu, đảm bảo tiến độ thi công theo yêu cầu, nhân công vận hành thiết bị phải có chứng chỉ phù hợp.
3	Thiết bị đo đạc GPS/Trắc địa	1	Độ chính xác $\pm 1\text{mm}$, đáp ứng TCVN 9401:2012	<input type="checkbox"/> Huy động thiết bị: Cam kết huy động thiết bị kịp thời đảm bảo phục vụ thi công đúng tiến độ.
4	Máy khoan cây bu lông	2	Công suất $\geq 1,5\text{kW}$, khoan lỗ Ø20-25mm	
5	Máy bơm keo cây	2	Phù hợp bơm keo HIT RE 500 V3	
6	Máy nén khí	1	Lưu lượng $\geq 5\text{m}^3/\text{phút}$	
7	Cần cẩu di động	1	Tải trọng $\geq 50\text{ tấn}$	
8	Búa cao su	4	Trọng lượng $\geq 3\text{kg}$	
9	Vặn thủy lực	2	Lực siết $\geq 135\text{Nm}$	
10	Máy mài bề mặt	2	Công suất $\geq 2\text{kW}$	

Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí **đạt/không đạt** để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu	Tiêu chí đánh giá, kết luận	
			Đạt	Không Đạt
1	Yêu cầu kỹ thuật vật liệu	Đáp ứng về vật liệu trong phần các quy định về vật liệu - Ray A100 cần trực tần dụng. - Kẹp ray - Tám đệm cao su - Tám đệm thép - Bulong liên kết - Keo cây bulong neo - Vữa Epoxy	Cung cấp chứng nhận vật liệu từ nhà sản xuất, phương án thay thế nếu hỏng.	Thiếu chứng nhận hoặc vật liệu không đạt tiêu chuẩn.
2	Dung sai lắp đặt	Đáp ứng về dung sai trong phần yêu cầu về sai số lắp đặt - Chiều cao của ray - Nhịp đường ray - Chênh cao hai đường ray - Độ nghiêng theo chiều dọc - Độ nghiêng ray - Độ lệch bên và độ cong ray	Phương án đo đạc bằng GPS/thủy bình, kế hoạch cẩn chỉnh dung sai.	Vượt dung sai hoặc thiếu phương án kiểm tra.
3	Thử nghiệm và nghiệm thu	Chạy thử cầu STS không gián đoạn	Kế hoạch thử nghiệm chi tiết, báo cáo kết quả chạy thử.	Thiếu biên bản hoặc không chứng minh thành công.
4	Năng lực nhân sự	Đáp ứng Bảng số 02 (Chỉ huy trưởng ≥5 năm, ≥15 công nhân, chứng chỉ ATLĐ...).	Hồ sơ nhân sự đầy đủ.	Thiếu chứng chỉ, số lượng hoặc kinh nghiệm không đủ.
5	Thiết bị thi công	Đáp ứng Bảng số 03 (cầu ≥5 tấn, máy khoan, GPS kiểm định....).	Danh sách thiết bị, giấy kiểm định hợp lệ.	Thiếu thiết bị hoặc kiểm định không hợp lệ.

6	An toàn lao động (ATLĐ), phòng cháy chữa cháy	<p>6a. Theo QCVN 30:2016/BLĐTBXH, bảo hộ đầy đủ</p> <p>6b. Giải pháp phòng chống cháy nổ, chữa cháy</p>	Kế hoạch ATLĐ, bảo hiểm lao động, biện pháp xử lý sự cố.	Thiếu biện pháp hoặc chứng chỉ ATLĐ.
7	Biện pháp bảo đảm chất lượng	<p>7a. Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng: Gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công, ...</p> <p>7b. Có quy trình quản lý chất lượng vật tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu quy trình kiểm tra chất lượng vật tư, tiếp nhận, lưu kho, bảo quản... - Nêu xuất xứ hoặc nguồn gốc vật liệu sử dụng cho gói thầu và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, phù hợp với hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình. Kèm bảng kê khai vật liệu chính phục vụ cho gói thầu <p>c. Quy trình kiểm tra giám sát, nghiệm thu chất lượng công việc, các giai đoạn thi công các hạng mục</p>	Có thuyết minh hợp lý	Không có thuyết minh
8	Tiến độ và biện pháp thi công	Tiến độ thi công theo yêu cầu: tối đa không quá 35 ngày .	<ul style="list-style-type: none"> -Tiến độ khả thi -Ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định - Có bảng tiến độ thực hiện theo Mẫu số 10 	<ul style="list-style-type: none"> -Tiến độ không thực tế -Dài hơn số ngày quy định
Kết luận		Đạt (đáp ứng toàn bộ yêu cầu)	Không đạt (không đáp ứng 01 phần hoặc toàn bộ yêu cầu trên)	

HSĐX được đánh giá là **đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là Đạt**.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xếp hạng nhà thầu: HSĐX có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN ĐỎI THẦU

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Kính gửi: _ [Ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ___ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, __ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại ___ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ___ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu] cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo. Thời gian thực hiện gói thầu là ___ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ___ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___ [Ghi ngày có thời điểm đóng thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

5. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSĐX là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSĐX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSĐX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSĐX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ___, tại ___

Tôi là ___[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ___[Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ___[Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ___[Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ___[Ghi tên gói thầu] thuộc ___[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ___[Ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___[Ghi tên nhà thầu]. ___[Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ___[Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___ đến ngày ___⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ___ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___ bản, người được ủy quyền giữ ___ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn dự thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày _____ tháng . năm _____

Gói thầu: ____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]

- Căn cứ ____ [Luật Đầu thầu]⁽²⁾;

- Căn cứ ____⁽²⁾;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày __ tháng __ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số __ ngày __ tháng __ năm __ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc ____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nếu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thông nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản để nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không được lựa chọn;

- Hủy thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 04 (04A hoặc 04B hoặc 04C hoặc 04D hoặc 04E) Chương III; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽⁴⁾
1	Thi công tháo dỡ, di dời 100m ray A100 hiện hữu của cầu hàng rời để lắp đặt nối với hệ thống ray của cầu STS tại phân đoạn 6, cầu tàu số 02 tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước	Chi tiết theo Chương IV. Yêu cầu về xây lắp		
Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):				X1

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật nêu trong HSYC, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với các hạng mục công việc nêu trong HSYC, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC (ngoài khối lượng để hoàn thành theo thiết kế). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong HSYC sẽ được coi là chào thửa và được hiệu chỉnh theo quy định.

Giá dự thầu là tổng giá trị của các hạng mục ghi trong cột “Mô tả công việc”. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí dự phòng (nếu có). Nhà thầu phải tính toán các chi phí nêu trên và phân bổ vào trong giá dự thầu.

Khi thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoàn thành toàn bộ gói thầu theo đúng hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật thì tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng.

(2), (3) Các hạng mục công việc nêu trong HSYC và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế và yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV.

Nhà thầu có trách nhiệm rà soát lại các hạng mục công việc nêu trong HSYC. Nhà thầu phải tự bổ sung và chào giá cho các hạng mục công việc mà nhà thầu phát hiện chưa bao gồm trong các hạng mục công việc nêu trong HSYC nhưng cần thiết để hoàn thành công việc theo thiết kế. Trường hợp nhà thầu không bổ sung các hạng mục công việc thiếu so với thiết kế, nhà thầu được coi là đã phân bổ giá của các hạng mục công việc này vào các hạng mục công việc khác của gói thầu. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành công việc theo thiết kế và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật với giá đã chào. Trường hợp phát hiện các hạng mục công việc nêu trong HSYC thửa so với thiết kế, nhà thầu loại hạng mục thửa ra khỏi bảng tổng hợp giá dự thầu.

(4) Nhà thầu có trách nhiệm phân bổ chi phí dự phòng (nếu có) vào giá dự thầu. Nhà thầu không được chào riêng chi phí dự phòng. Trường hợp nhà thầu chào riêng chi phí dự phòng thì được coi là chào thửa và sẽ bị hiệu chỉnh sai lệch.

Mẫu số 05**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU⁽¹⁾**

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: [ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:
[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu [tại nơi đăng ký]:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu

Tên: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại: _____

Địa chỉ email: _____

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...

2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư] [ghi số điện thoại kể cả mã quốc gia, mã vùng] [ghi địa chỉ e-mail]		

Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương II ⁽²⁾

1. Loại kết cấu, cấp công trình	[ghi thông tin trong hợp đồng]
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]
3. Quy mô thực hiện	[ghi thông tin trong hợp đồng]
4. Phương pháp, công nghệ	[ghi thông tin trong hợp đồng]
5. Các nội dung khác	[ghi thông tin (nếu có)]

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung nhân sự chủ chốt để đáp ứng yêu cầu của HSYC. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của HSYC thì HSĐX bị loại. Trường hợp nhà thầu kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận, không được thay thế nhân sự và bị loại.

STT	Họ và tên	Vị trí công việc
1	[ghi thông tin họ và tên nhân sự chủ chốt trong HSĐX]	[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
STT	Tên	Căn cước công dân/ Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin trong HSĐX theo yêu cầu tại Bảng trên.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/dự toán mua sắm/Chức vụ/Hợp đồng/Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]			
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu.

Mẫu số 07D

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị thi công chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị thi công chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong HSĐX không đáp ứng yêu cầu của HSYC, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của HSYC. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSĐX thì nhà thầu bị loại.

STT	Thông tin thiết bị								Hiện trạng		Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/di thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)	Địa diểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

STT	Chủ sở hữu					Thỏa thuận
	Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Địa chỉ email	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án

HỢP ĐỒNG XÂY LẮP KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ

Tên nhà thầu: _____
 Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có):

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II

- Không có hợp đồng xây lắp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.
- Có hợp đồng xây lắp đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương II.

Năm	Phản việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____
 Ngày: _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này) Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hàng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

- Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
- Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
- Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản

chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu

STT	Công trình	Địa điểm	Thời gian hoàn thành công trình		Thời gian hoàn thành công trình do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
			Thời gian hoàn thành công trình sớm nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	Thời gian hoàn thành công trình muộn nhất [ghi số ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]	
1	Thi công tháo dỡ, di dời 100m ray A100 hiện hữu của cầu hàng rời để lắp đặt nối với hệ thống ray của cầu STS tại phân đoạn 6, cầu tàu số 02 tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước	Khu vực cầu cảng Công ty CP Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước (D10C đường D3, Xã Hiệp Phước, Tp.HCM)	35 ngày	35 ngày	

Ghi chú:

(2), (3), (4), (5): Chủ đầu tư điều theo yêu cầu tại Chương IV.

(6): Nhà thầu đề xuất.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

Chương IV. YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP

I. Giới thiệu về gói thầu:

1. Phạm vi công việc của gói thầu.:

▪ Tên gói thầu: Thi công xây dựng;
▪ Hạng mục: Thi công tháo dỡ, di dời 100m ray A100 hiện hữu của cầu hàng rời để lắp đặt nối với hệ thống ray của cầu STS tại phân đoạn 6, cầu tàu số 02 tại Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước;

▪ Địa điểm công trình: D10C đường D3 - Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh

▪ Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước.

▪ Nguồn vốn đầu tư: Vốn sản xuất kinh doanh của Công ty

▪ Phạm vi:

- Tháo dỡ, di dời 100m ray A100 hiện hữu của cầu hàng rời (tổng 200m, 2 đường ray song song) tại phân đoạn 6, cầu tàu số 02, Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn – Hiệp Phước.

- Lắp đặt nối với hệ thống ray của cầu STS, bao gồm di dời 02 mố chắn ray, lắp đặt 2 tuyến ray mới A100 (tháo ở trên), Cây bulông neo, đỗ vữa Epoxy, Lắp đặt cốc ray, tấm đệm thép, cao su, Căn chỉnh cao độ, tim tuyến, Hoàn thiện, vệ sinh công trường.

Trong đó phương án như sau:

1.1.Ray cần trực

Các thanh ray cần trực A100 hiện hữu của cầu hàng rời được tháo dỡ, di dời và tận dụng lại toàn bộ để lắp đặt tại hào ray chờ sẵn trên phân đoạn 6 cầu cảng. Giữa các thanh ray bố trí khe co dãn có khoảng cách $t=5\text{mm}$.

1.2.Tấm đệm cao su

Toàn bộ tấm đệm cao su được thay mới, loại có thép gia cường ở giữa dày 7mm.

1.3.Tấm thép đệm ray

Toàn bộ tấm thép đệm ray được thay mới bằng loại có kích thước LxBxH=2980x400x20mm. Khoảng cách giữa các tấm thép đệm ray là 2cm và các tấm thép được ngắt mạch tại các khe phân đoạn cầu cảng. Các tấm thép đệm ray trước khi lắp đặt được gia công, khoan lỗ và mạ kẽm nóng trong nhà máy.

1.4.Lớp vữa đệm ray

Lớp vữa đệm nằm dưới tấm thép đệm ray được đỗ mới bằng vữa gốc Epoxy 3 thành phần, đảm bảo cao độ đỉnh ray sau khi hoàn thiện bằng cao độ đỉnh ray hiện hữu, chiều dày trung bình lớp vữa đỗ mới là 28mm.

1.5.Cóc ray

Toàn bộ cốc ray được thay mới bằng loại cốc ray hàn loại W20/CJ (tự xiết, tự khóa) với tải trọng biên tối thiểu là 165kN.

1.6.Bu lông neo tấm thép đệm ray

- Toàn bộ bu lông neo được khoan cấy mới bằng các bu lông neo M20 – L=350mm. Các bu lông neo mới được định vị, khoan cấy đảm bảo khoảng cách a=500mm. Đường kính lỗ khoan cấy bu lông d=25mm và sử dụng keo đồng cứng nhanh để cấy bu lông.

- Trước khi tiến hành khoan cấy bu lông cần siêu âm kỹ vị trí khoan để không khoan vào cốt thép đầm.

1.7.Bu lông chỉnh cao độ

Toàn bộ các bu lông chỉnh cao độ được thay mới bằng bu lông M16 - L=80mm.

1.8.Hào ray chòe săn

+ Hào ray hiện hữu chòe săn tại phân đoạn 6 cầu cảng, đã được CĐT chuẩn bị trước cho công tác lắp đặt ray có kích thước B_{tb}xh=49x20cm. Tiến hành đục thêm bê tông lớp mặt dày tb=3cm hai bên thành hào, để bảo vệ thiết bị phụ trợ của cầu STS khi đi qua.

+ Ngoài ra, phía đáy hào ray tại phạm vi phân đoạn 5 cần đục phá thêm lớp mặt bê tông dày tb=2cm để đảm bảo cao độ đáy hào trước khi lắp đặt ray được bằng phẳng.

Hai bên thành hào được khoan lỗ xiên đến đáy bản mặt cầu để phục vụ thoát nước hào ray, chiều dài lỗ khoan trung bình L_{tb}=75cm, kích thước D60, khoảng cách a=4m. Hệ thống ống lỗ thoát nước được vệ sinh, thông tắc thường xuyên để đảm bảo hào ray luôn khô ráo

2. Thời hạn hoàn thành: 35 ngày, (tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành và bàn giao).

3. Tiêu chuẩn áp dụng

3.1. Tiêu chuẩn kỹ thuật:

Bảng danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng

STT	Mã hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật
Quy chuẩn và tiêu chuẩn áp dụng		
1	QCVN 02:2022/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng
2	QCVN 07:2023/BXD	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật
3	96 TCN 43 - 90	Quy phạm đo vẽ bản đồ tỷ lệ từ 1/500 ÷ 1/5000
4	TCVN 9401: 2012	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình
5	TCVN 9398: 2012	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung
6	TCVN 2737:2023	Tải trọng và tác động. Tiêu chuẩn thiết kế
7	TCVN 11820-1: 2017	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 1: Nguyên tắc chung
8	TCVN 11820-2: 2017	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 2: Tải trọng và tác động

STT	Mã hiệu	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật
9	TCVN 11820-3: 2019	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 3: Yêu cầu về vật liệu
10	TCVN 11820-5: 2021	Công trình cảng biển - Yêu cầu thiết kế - Phần 5: Công trình bến
11	TCVN 5574:2018	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
Tiêu chuẩn tham khảo trong thiết kế		
13	TCVN 5408:2007	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử
14	TCCS 04/2014	Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì công trình bến cảng
15	TCVN 11793:2017	Đường sắt khổ 1000 mm - Yêu cầu thiết kế tuyế
16	TCCS: 04: 2014/VNRA	Vật tư, vật liệu, phụ kiện sử dụng trong công tác bảo trì công trình đường sắt
17	TCCS 02:2009/VNRA	Tiêu chuẩn nghiệm thu kiến trúc tầng trên đường sắt (Phần đại tu và xây dựng mới)
18		Tiêu chuẩn Anh về kết cấu Hàng hải: "British Standard Code of practice for Maritime structures: BS 6349"
19		Tiêu chuẩn kỹ thuật cảng biển Nhật Bản: "Technical standards for port and harbour facilites in Japan"
20	DIN 536/1 (9/1991)	Crane Rails Hot Rolled Flat Bottom Crane Rails
21	DIN 1913: E51 55 B10 110	Covered electrodes for the joint welding of unalloyed and low alloy steel; classification, designation, technical delivery conditions
22	AFNOR 81-309: E 51 5/5 B 110 26 BH	Properties in use Weldability of steelsWeldability of C-Mn and microalloyedsteels
23	ISO 2560: E 51 5B 110 26(H)	Welding consumables – Covered electrodes for manual metal arc welding of non-alloy and fine grain steels Classsification
24	ASME IIC SFA 5.1: E 7018-1	Carbon steel electrode for SMAW
25	FEM 1.1001	Rules for the Design of Hoisting Appliances
26	ISO 12488-1	Cranes – Tolerances for wheels and travel and traversing tracks

3.2.Tiêu chuẩn ATLĐ:

QCVN 30:2016/BLĐTBXH (An toàn lao động trong xây dựng).

4. Khối lượng công việc: căn cứ theo hồ sơ bản vẽ thiết kế được phê duyệt (khối lượng này chỉ tham khảo)

Tổng hợp khối lượng:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LUỢNG
I	CÔNG TÁC THÁO DỠ HỆ THỐNG RAY A100 HIỆN HỮU		
1	Tháo dỡ cốc ray, bu lông cốc ray hiện hữu	1 bộ	838,00
2	Tháo dỡ cốc ray, bu lông cốc ray hiện hữu	1 bộ	838,00

3	Cắt bỏ các bu lông neo M20	ck	420,00
4	Tháo dỡ ray A100 hiện hữu (bao gồm tháo dỡ cóc ray)	1m ray đơn	208,30
5	Tháo dỡ tấm thép đệm ray và đệm cao su	1m ray đơn	208,86
6	Cắt bỏ các bu lông neo M20	ck	838,00
7	Vận chuyển các vật liệu phụ kiện ray hiện hữu lưu kho (cóc ray, tấm đệm cao su, tấm thép đệm ray)	cáu kiện	1,00
II	CÔNG TÁC LẮP ĐẶT RAY A100 HIỆN HỮU		
	1. Cấy các bu lông neo mới		
8	Siêu âm cốt thép vị trí khoan cấy bu lông neo	chỉ tiêu	842,00
9	Khoan tạo lỗ cấy bu long neo d=25mm, L=270mm	lỗ khoan	842,00
10	Bu long neo cấy mới(cáp bền 5,6) bulong M20, L=350mm	bộ	842,00
11	Lắp đặt bulong neo M20, L=350mm	1 bộ	842,00
12	Vữa cấy bulong (keo HIT-RE 500V3, 500ml/ống, hoặc loại tương đương)	ống	116,00
13	Thi công bơm vữa cấy bulong,270mm/lỗ	m	227,34
	2. Vệ sinh ray trước khi lắp đặt		
14	Vệ sinh hào ray (bao gồm lỗ thoát nước hào ray) trước khi lắp đặt	m2	79,367
	3.Lắp đặt ray		
	Ray A100 tận dụng lại	m	208,30
	<i>Trong đó:</i>		
	Đoạn ray A100 L=9,9m	m	9,9
	Đoạn ray A100 L=11,8m	m	94,4
	Đoạn ray A100 L=9,6m	m	9,6
	Đoạn ray A100 L=11,8m	m	94,4
15	Cóc ray hàn (W20/CJ) đồng bộ ray A100, bulong cáp bền 8,8)	bộ	838,00
16	Lắp đặt ray (lắp đặt ray, cóc ray cố định ray)	m	208,30
17	Bulong chỉnh cao độ M16- L=80mm(cáp bền 4,6)	bộ	424,00
18	Lắp đặt bulong M16- L= 80mm	1 bộ	424,00
19	Thép tấm d20 mạ kẽm bxl=400x2980mm	tấm	68,00
20	Thép tấm d20 mạ kẽm bxl=400x960mm	tấm	2,00
21	Thép tấm d20 mạ kẽm bxl=400x1380mm	tấm	1,00
22	Thép tấm d20 mạ kẽm bxl=400x1680mm	tấm	1,00
23	Tấm đệm cao su chịu nhiệt d7 gia cố thép ở giữa (dài 12m/1 cuộn)	cuộn	18,00
24	Lắp đặt tấm thép đệm ray, tấm đệm cao su	m	208,86
25	Vữa epoxy(bao gồm bảo dưỡng, Sikadur 42MP hoặc tương đương)	m3	3,122
26	Đục phá bê tông	m3	3,408
27	Vận chuyển phé thải đi đổ 1km đầu	m3	3,408
28	Vận chuyển phé thải đi đổ 5km tiếp theo	m3	3,408
29	Mài phẳng sau khi đục	m2	129,493

III DI DỜI MỐ CHẮN RAY			
1.Công tác tháo dỡ			
30	Tháo đai ốc bulong neo hiện hữu	1bộ	40,00
31	Cầu chuyên di dời mô chắn ray	cầu kiện	2,00
2.Công tắc lắp đặt			
32	Siêu âm cốt thép vị trí khoan cáy bu lông neo	chỉ tiêu	40,00
33	Khoan tạo lỗ cáy bu long neo (lỗ khoan d=40mm, L=650mm)	lỗ khoan	24,00
34	Bulong neo M32, L=750mm	bộ	24,00
35	Lắp đặt bulong neo M32, L=750mm	bộ	24,00
36	Vữa cáy bulong (keo HIT-RE 500V3, 500ml/ống, hoặc loại tương đương)	ống	18,00
37	Thi công bơm vữa cáy bulong,650mm/lỗ	m	15,6
38	Lỗ khoan d=40mm, L=350mm	lỗ khoan	16,00
39	Bulong neo M30, L=450mm	bộ	16,00
40	Lắp đặt bulong neo M30, L=450mm	bộ	16,00
41	Vữa cáy bulong (keo HIT-RE 500V3, 500ml/ống, hoặc loại tương đương)	ống	8,00
42	Thi công bơm vữa cáy bulong,350mm/ 1 lỗ	m	5,60
43	Vữa epoxy(bao gồm bảo dưỡng, Sikadur 42MP hoặc tương đương)	m3	0,043
IV THOÁT NƯỚC HÀO RAY			
44	Khoan tạo lỗ thoát nước hào ray (lỗ khoan d=60mm)	lỗ khoan	106,00
45	Lắp đặt ống uPVC D30 L=4cm kết nối thoát nước hào ray	m	4,20

5. Yêu cầu về ray và phụ kiện:

Toàn bộ vật liệu và chất lượng thi công lắp đặt hệ thống ray phải phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành và tình hình thực tế tại cảng.

Tất cả các chủng loại vật liệu trước khi đưa vào thi công phải có chứng chỉ chất lượng của nhà sản xuất và kết quả thí nghiệm kiểm tra chất lượng của đơn vị kiểm tra có tư cách pháp nhân. Vật liệu phải đạt chất lượng theo các quy định của các tiêu chuẩn hiện hành và các quy định cụ thể sau:

5.1.Ray cần trực tận dụng

- Loại ray : A100.
- Tiêu chuẩn : DIN 536/1 (9/1991).
- Trọng lượng : 74,3kg/m.
- Ứng suất : 880N/mm².
- Mác thép : Grade 90.
- Kích thước:
 - + Chiều dài : (9-12)m/thanh.
 - + Cao : 95mm.

- + Rộng đáy : 200mm.
- + Rộng mặt : 100mm.

5.2.Kẹp ray

- Loại : Kẹp ray hàn W20/CJ;
- Kiểu : Kẹp đôi, phù hợp cho ray A100;
- Tải trọng biên : $\geq 165\text{kN}$;
- Vật liệu phần trên của kẹp ray : Ductile cast steel;
- Vật liệu phần dưới của kẹp ray : Weldable forged steel;
- Bu lông : Cáp bền 8,8 (đáp ứng TCVN 1916-1995);
- Mỗi bộ gồm: 01 phần trên kẹp ray, 01 phần dưới kẹp ray, 02 bộ bu lông và đai ốc.

5.3.Tấm đệm cao su

- Tấm đệm ray cao su phải được gia cố tấm thép ở lõi thông qua quá trình lưu hóa cao su. Đảm bảo tấm thép được gắn chặt giữa cao su;
- Ở 2 bên của tấm đệm ray cao su phải thiết kế theo kiểu " edge seal", mục đích loại bỏ sự thâm nhập của các tạp chất có thể gây hư hỏng tấm đệm;
- Ở giữa tấm đệm ray cao su phải được thiết kế các đường rãnh “design of grooves” để tránh được việc hư hỏng do lực tác động lớn, ray cong vênh hoặc ray giao động trong quá trình vận hành;
- Tấm đệm ray cao su loại RailLok pad C200 hoặc tương đương, phù hợp cho ray A100, có các đặc tính như sau:

- + Thành phần : Cao su tổng hợp gia cố dải sắt ở giữa;
- + Độ cứng : $75^\circ \pm 5$;
- + Ứng suất kéo : Tối thiểu $10,5 \text{ N/mm}^2$;
- + Độ dãn : Tối thiểu 200%;
- + Nhiệt độ làm việc được từ : -15°C đến $+70^\circ\text{C}$;
- + Giảm tiếng ồn khoảng 10% và giảm độ rung lên đến 48%;
- + Có khả năng chịu được sự mài mòn, cắt và nghiền, cũng như dầu, mỡ, tia cực tím và ozone).

5.4.Tấm đệm thép

- Kích thước tiêu chuẩn : $1\text{xbxh} = 2.980\times400\times20\text{mm}$;
- Vật liệu : Q235B hoặc tương đương.
- Phần dưới của kẹp ray được hàn chặt vào tấm thép để theo tiêu chuẩn sau:
 - + DIN 1913 : E51 55 B10 110;
 - + AFNOR 81-309 : E 51 5/5 B 110 26 BH;
 - + ISO 2560 : E 51 5B 110 26(H);
 - + ASME IIC SFA 5.1 : E 7018-1.

- Chống ăn mòn: Tấm thép đế hoàn chỉnh sẽ được mạ kẽm nóng theo tiêu chuẩn ISO 1461.

5.5.Bu lông liên kết

- Bu lông liên kết giữa tấm thép đệm và đầm cần trực quy cách tương đương như sau :

- + Kích thước bu lông : M20 x 350mmL (Dạng cắt xéo 45°);
- + Vật liệu : Cáp bền 5,6 (đáp ứng TCVN 1916-1995);
- + Mạ kẽm : Mạ kẽm nhúng nóng (theo tiêu chuẩn ISO- 1461).

- Bu lông chính cao độ quy cách tương đương như sau:

- + Kích thước bu lông : M16 x 80mmL;
- + Vật liệu : Cáp bền 4,6 (đáp ứng TCVN 1916-1995);
- + Mạ kẽm : Mạ kẽm nhúng nóng (theo tiêu chuẩn ISO- 1461).

5.6.Keo cấy bu lông neo

Keo cấy bu lông neo yêu cầu đồng cứng nhanh, chuyên dụng cho công tác cấy bu lông.

- Thời gian đồng cứng:

Nhiệt độ môi trường	Thời gian tối thiểu	Thời gian tối đa
40°C	12 phút	2 – 4 giờ
30°C	20 phút	4 – 8 giờ
20°C	30 phút	6 – 12 giờ
5°C	150 phút	20 – 40 giờ

- Lỗ khoan bu lông:

Đường kính bu lông	Lỗ khoan
M20	25 mm
M30, M33	40 mm

5.7.Vữa Epoxy

Vữa tạo phẳng rót dưới tấm thép đệm: Vữa cường độ cao, không co ngót, 3 thành phần, có khả năng tự chảy, tự san phẳng. Sử dụng vữa rót Sikadur 42 MP hoặc loại tương đương có các chỉ tiêu như sau:

5.7.1.Đặc điểm sản phẩm

- Màu: Hỗn hợp có màu xám bê tông;

- Quy cách đóng gói:

- + 12kg/bộ (A+B+C);

- + Đóng gói công nghiệp nếu có yêu cầu;

- Điều kiện lưu trữ: Trong điều kiện khô ráo, từ +5°C đến +30°C, bao bì còn nguyên, tránh ánh sáng mặt trời.

- Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất trong điều kiện chưa mở và lưu trữ đúng cách.

5.7.2.Thông số kỹ thuật

- Khối lượng thể tích: ~ 2,13 kg/lit;
- Tỷ lệ trộn: Thành phần A:B:C = 5 : 1 : 30 (theo khối lượng);
- Thời gian cho phép thi công:

Nhiệt độ (°C)	Thời gian
20	45 phút

- Cường độ nén: >100N/mm² (sau 7 ngày, ở 27°C, tiêu chuẩn ASTM C349);
- Cường độ uốn: 35N/mm² (sau 7 ngày, ở 27°C, tiêu chuẩn ASTM C348);
- Cường độ kết nối: 3 N/mm² (bê tông hỏng) (sau 7 ngày và ở nhiệt độ 27°C);
- Modul: tối thiểu 18000 N/mm²;
- Độ dày: tối thiểu 10mm, tối đa 150mm.

5.7.3.Thi công

- Chuẩn bị bê mặt:

+ Tất cả các bê mặt phải sạch, không đọng nước và không dính các tạp chất dễ bong tróc;

+ Bụi xi măng phải bị loại bỏ bằng dụng cụ cơ khí (ví dụ như máy phun cát).

- Lớp lót: không yêu cầu.

- Trộn: Trộn 2 thành phần A và B lại với nhau trong vòng ít nhất 3 phút bằng cần trộn điện với tốc độ thấp (dưới 400 vòng/phút). Sau đó cho cốt liệu (thành phần C) vào và tiếp tục trộn cho đến khi đạt được vữa chảy lỏng đồng nhất (khoảng 5 phút).

- Thi công: Khi rót vữa vào dưới các tấm đế, phải bảo đảm đủ áp suất để duy trì dòng vữa rót. Phải để bọt khí thoát hết. Với thể tích lớn, nên thi công nhiều lớp, phải chắc chắn lớp vữa rót trước đã đóng cứng và nguội.

- Vệ sinh: Làm sạch tất cả các dụng cụ và thiết bị bằng Thinner C ngay sau khi sử dụng.

- Lưu ý về thi công/giới hạn:

+ Độ dày tối đa của mỗi lớp: 15cm;

+ Nhiệt độ tối thiểu của nền: 5°C;

+ Nhiệt độ tối đa của nền: 40°C.

- Bảo dưỡng lớp vữa trong 24h:

+ Bảo vệ bê mặt lớp vữa sau khi đổ cho tới khi khô;

+ Tránh mưa và không để lực cơ học tác động trực tiếp lên bê mặt lớp vữa trong quá trình bảo dưỡng.

6. **Dung sai :** Sai số lắp đặt đường ray cần trực được quy định theo tiêu chuẩn ISO 12488-1 *Cranes – Tolerances for wheels and travel and traversing tracks*. Một số yêu cầu về dung sai như sau :

STT	Mục kiểm tra	Dung sai lắp đặt	Sơ đồ kiểm tra
1	Chiều cao của ray	Kiểm tra trên chiều dài 2m: $H = \pm 10\text{mm}$ $h = \pm 2,0\text{mm}$	
2	Nhip đường ray	$\leq 3,0\text{mm}$ với $s < 20\text{m}$ $\leq \pm 10\text{mm}$ với $s > 20\text{m}$	
3	Chênh cao hai đường ray	$< \text{Span} \times 1/1.000$ Sai lệch lớn nhất $= \pm 70\text{mm}$	
4	Độ nghiêng theo chiều dọc	$\pm 1/500$ (kiểm tra đoạn 10m)	
5	Độ nghiêng ray	Theo chiều dọc: $\tan \beta < 0,003$ Theo chiều ngang: $\tan \beta < 0,005$	
6	Độ lệch bên và độ cong ray	Kiểm tra trên chiều dài 2m: Độ lệch bên $\pm 10\text{mm}$ Độ cong: $\pm 1\text{mm}$	

7. Yêu cầu thi công lắp đặt ray.

7.1. Lắp đặt các bu lông neo

Để đảm bảo chính xác vị trí các bu lông neo sử dụng tấm khuôn cũ chuẩn để định vị vị trí khoan cây.

- Dùng tấm khuôn cũ chuẩn định vị vị trí và khoan các lỗ khoan cây bu lông mới.
- Lắp đặt bu lông neo vào tấm khuôn cũ chuẩn, điều chỉnh cao độ bu lông neo theo yêu cầu.
- Đặt tấm khuôn cũ chuẩn vào vị trí, căn chỉnh tấm khuôn đảm bảo độ cao cho phép và tiến hành bơm keo đóng cứng nhanh cây bu lông.

7.2. Lắp đặt tấm thép đệm

Chuẩn bị tấm thép đệm:

- Tấm thép đệm phải được cắt đúng theo yêu cầu thiết kế lắp đặt và khoan lỗ bu lông neo, bu lông chỉnh cao độ theo bản vẽ thiết kế.
- Hàn phần dưới kẹp ray tấm thép đệm, sau khi hoàn thành toàn bộ tấm thép đệm được mạ kẽm nhúng nóng.

Lắp đặt tấm thép đệm:

- Làm sạch bề mặt hào ray, đảm bảo hào ray không được dính dầu, mỡ, sơn,...
- Lắp đặt các tấm thép đệm, căn chỉnh cao độ bằng các bu lông chỉnh cao độ và xiết nhẹ các bu lông neo đảm bảo cố định tấm thép đệm.

7.3. Đổ vữa không co ngót

- Dùng máy nén khí thổi sạch bụi và nước đọng dưới hào ray.
- Bít toàn bộ các lỗ thoát nước dưới hào ray bằng các nêm gỗ.
- Trộn vữa theo đúng yêu cầu và đổ vữa liên tục từ một phía, khi vữa chảy đầy sang phía còn lại mới di chuyển từ từ qua vị trí mới. Không thay đổi phía đổ vữa để tránh lưu khí trong lớp vữa đệm.
- Khi đổ vữa cần kết hợp gỗ nhẹ tấm đệm bằng búa cao su để vữa phủ đều phía dưới và đẩy bọt khí ra ngoài.
- Việc đổ vữa phải liên tục, khi tạm dừng phải dùng tấm chắn để chặn vữa không lan sang bên khác.
- Bảo vệ bề mặt lớp vữa cho tới khi khô hoặc tránh mưa ít nhất trong 48 giờ.
- Tháo các nêm gỗ bịt lỗ thoát nước để đảm bảo thoát nước cho đường ray.

7.4. Siết bu lông neo tấm thép đệm

Khi lớp vữa đệm ray đã đảm bảo đồng cứng, tiến hành siết chặt các bu lông neo tấm thép đệm theo lực siết thiết kế (135Nm).

7.5. Lắp tấm đệm cao su lõi thép

- Làm sạch bề mặt phía trên của tấm thép đệm.
- Lắp đặt các tấm đệm cao su lõi thép, căn chỉnh vị trí trung tâm tấm đệm cao su trùng với tim tấm thép đệm ray.
- Tại vị trí đầu cuối khe co dãn, khe phân đoạn nên hàn tấm chắn trên tấm thép đệm để tránh sự xê dịch theo chiều dọc của tấm đệm cao su.

7.6. Lắp đặt ray

- Lắp ray vào trên tấm đệm ray và lắp các cúc ray vào mà không siết chặt các đai ốc.
- Cân chỉnh ray theo các dung sai yêu cầu và kiểm tra độ thẳng hàng của ray.
- Dùng vặn thủy lực để vặn bu lông kẹp ray theo lực siết yêu cầu hoặc đến khi thấy chân của kẹp ray đã sát với chân của ray thì ngừng.
- Kiểm tra lại độ thẳng hàng của ray. Nếu chưa thẳng có thể điều chỉnh lực siết của kẹp ray để cân chỉnh.

7.7. Vận hành đường ray

Sau khi hoàn thiện lắp đặt đường ray cần trực và lớp vữa đệm ray đã khô (đạt khả năng chịu lực tối thiểu 70N/mm^2) tiến hành đưa cần trực vào chạy thử.

Trong quá trình đưa cần trực vào chạy thử cần theo dõi chi tiết phạm vi lắp đặt nối giữa 02 đường ray A120 và A100 (từ phân đoạn 7 sang phân đoạn 6) đảm bảo cầu STS có thể hoạt động liên tục (không gián đoạn).

8. Yêu cầu thử nghiệm, kiểm tra, nghiệm thu:

8.1. Thử nghiệm:

- Chạy thử cầu STS dưới tải trọng thực tế, Thử nghiệm bao gồm các chu trình di chuyển (lên xuống, trái phải) với container tiêu chuẩn, đảm bảo không gián đoạn, không rung lắc, và không lệch ray.

- Sử dụng thiết bị đo đạc GPS/thủy bình để ghi nhận dữ liệu dung sai động (nhịp, thẳng hàng, nghiêng) trong quá trình chạy thử.

8.2. Kiểm tra:

- Kiểm tra chất lượng vật liệu sau lắp đặt: Ray A100, vữa Epoxy bám dính bu lông neo và các phụ kiện theo ray.

- Đo đạc dung sai lắp đặt theo ISO 12488-1 cả trạng thái tĩnh và động.

- Kiểm tra an toàn lao động: đảm bảo nhân viên có bảo hộ đầy đủ, khu vực thi công có biển cảnh báo.

8.3. Nghiệm thu:

- Lập biên bản nghiệm thu theo mẫu bao gồm kết quả thử nghiệm, kiểm tra, và ý kiến của chủ đầu tư (Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước) cùng nhà thầu.

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, nhà thầu chịu trách nhiệm sửa chữa miễn phí các lỗi phát sinh do thi công.

- Điều khoản bổ sung - Tái nghiệm thu : Nếu kết quả thử nghiệm chạy cầu STS không đạt (ví dụ: rung lắc, lệch ray, không chịu tải), nhưng lỗi được xác định do nhà thầu (như sai lệch lắp đặt, vật liệu không đạt, hoặc vi phạm quy trình thi công), nhà thầu phải thực hiện sửa chữa và tái thử nghiệm miễn phí trong vòng 7-10 ngày (tùy điều kiện thực tế). Chi phí sửa chữa, nhân công, và thiết bị do nhà thầu chịu, không tính thêm vào giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu cung cấp báo cáo phân tích nguyên nhân trước khi sửa chữa.

- Kiểm định độc lập: Để tránh tranh chấp về kết quả nghiệm thu, chủ đầu tư có thể thuê chuyên gia kiểm định độc lập từ đơn vị uy tín. Chuyên gia sẽ kiểm tra toàn bộ quá trình thử nghiệm, đo đạc dung sai động, và xác nhận nguyên nhân lỗi (nếu có). Chi phí kiểm định do chủ đầu tư chi trả, nhưng nhà thầu chịu chi phí nếu lỗi thuộc về mình (theo khoản ché tài hợp đồng).

9. Các bản vẽ và tài liệu kỹ thuật đi kèm (theo hồ sơ thiết kế được duyệt)

- Nhà thầu phải thi công theo bản vẽ thiết kế được duyệt.

- Nếu có điều chỉnh thì phải có sự chấp thuận của tư vấn giám sát/chủ đầu tư.